

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 103/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 01-9-2020

V/v *Tranh chấp:*

“Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Ngọc Hoa.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Bà Nguyễn Thị Ba.

+ Bà Lê Thị Minh Thắm.

Thư ký phiên tòa ông Phạm Nhật Minh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Diễm Kiều - kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình đã thụ lý số: 345/2020/TLST-HNGĐ ngày 27-5-2020 về việc tranh chấp “Xin ly hôn”, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2020/QĐXX-ST ngày 23-7-2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2020/QĐST-HNGĐ ngày 12-8-2020 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1994 (có mặt).

Địa chỉ: 131, ấp B, xã S, huyện C tỉnh Tiền Giang.

2/ Bị đơn: Anh Trương Minh H, sinh năm: 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: 4N3, khu phố 4, đường H, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Bà và ông Trương Minh H chung sống với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn năm 2013 tại UBND phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015, thì phát sinh mâu thuẫn, nhưng vợ chồng vẫn duy trì cuộc sống chung, đến cuối năm 2017, thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng ông H cờ bạc gây nợ nần nhiều lần, không lo cho vợ con, bà khuyên can không được, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi. Đến tháng 3 năm 2020, thì vợ chồng chấm dứt quan hệ và sống ly thân cho đến nay. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông Trương Minh H.

Con chung: Có 01 con Trương Nguyễn Minh H1 sinh ngày 02-10-2012, hiện nay ông H đang nuôi con, khi ly hôn bà đồng ý giao con cho ông H trực

tiếp nuôi cháu H1, bà T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Ông Trương Minh H được Tòa án triệu tập, tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng ông H không đến tham gia các phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán tuân thủ đúng quy định của pháp luật như tiến hành xác minh, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xác minh, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng pháp luật. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tại phiên tòa tuân thủ đúng quy định pháp luật, các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn tuân thủ theo quy định của pháp luật. Bị đơn không tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Tóm tắt và nhận định nội dung vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh T; Con chung giao cho ông Trương Minh H trực tiếp nuôi cháu Trương Nguyễn Minh H1 sinh ngày 02-10-2012; Tài sản chung, nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trương H là tranh chấp “ Yêu cầu ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

[2] Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu ly hôn với ông Trương Minh H; Con chung có 01 con Trương Nguyễn Minh H1 sinh ngày 02-10-2012, khi ly bà T đồng ý giao cho ông H trực tiếp nuôi con, bà T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng; Tài sản chung, nợ chung không có.

[3] Ông Trương Minh H được Tòa án tổng đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng ông H không đến tham dự phiên tòa và không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của ông để Hội đồng xét xử xem xét. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Trương Minh H

Xét các yêu cầu của đương sự:

[1] Về hôn nhân: Xét thấy bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trương Minh H chung sống với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn 2013 tại UBND phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015, thì phát sinh mâu thuẫn nhưng vợ chồng vẫn duy trì cuộc sống chung đến cuối năm 2017, thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do ông H cờ bạc gây nợ nần nhiều lần, bà T phải trả, không lo làm ăn, bà T khuyên can không được, từ đó vợ

chồng thường xuyên cự cãi nhau, ông H, bà T thuê nhà trọ ở, ông bà có một lần làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, nhưng ông H hứa khắc phục lo làm ăn nên không nộp đơn. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu ly hôn ông Trương Minh H. Ông H được Tòa án tổng đạt hợp lệ, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông H không đến tham gia phiên tòa và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của ông H cho Hội đồng xét xử xem xét. Như vậy coi như ông H từ bỏ ý kiến của ông. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm giữa bà T, ông H đã rạn nứt mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu ly hôn với ông Trương Minh H là có cơ sở và phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh T.

[2] Về con chung: Có 01 con Trương Nguyễn Minh H1 sinh ngày 02-10-2012, hiện nay ông H đang nuôi. Xét thấy cháu H1 từ nhỏ sống chung ông bà, nhưng từ ngày ông H không sống chung, ông H trực tiếp nuôi con, bà T tới lui thăm chăm sóc cháu Minh H1 với ông H, ông H là người trực tiếp dưỡng chăm sóc và giáo dục cháu Minh H1 rất chu đáo, hơn nữa cháu Minh H1 có cuộc sống ổn định, không nên làm xáo trộn cuộc sống của cháu Minh H1, cũng như theo nguyện vọng của cháu H1 được sống với cha. Do vậy để cháu Minh H1 có cuộc sống, tư tưởng tâm lý ổn định. Do đó tại phiên tòa bà T đồng ý giao cho ông H trực tiếp nuôi cháu H1 là phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng của cháu H1 nên Hội đồng xét xử giao cho ông H tiếp tục nuôi cháu Trương Nguyễn Minh H1.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Thanh T không trực tiếp nuôi cháu H1, bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu H1 mỗi tháng 3.000.000 đồng, tại phiên tòa ông H vắng mặt. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bà T cấp dưỡng nuôi cháu H1 mỗi tháng 3.000.000 đồng. Thực hiện từ tháng 9/2020 đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi lao động được.

[4] Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Ý kiến phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử ghi nhận

[7] Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5,6 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a, khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T
- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với ông Trương Minh H.

- Về con chung: Giao cho ông Trương Minh H trực tiếp nuôi cháu Trương Nguyễn Minh H1 sinh ngày 02-8-2012. Bà Nguyễn Thị Thanh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Thực hiện từ tháng 9/2020 đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi lao động được.

Bà Nguyễn Thị Thanh T có quyền đến trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

2/ Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 và Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà T đã nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đồng theo biên lai số 0001498 ngày 27-5-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3/ Bà Nguyễn Thị Thanh T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Trương Minh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TP M;
- Chi cục THA dân sự TP M;
- Các đương sự;
- (Đăng ký kết hôn năm 2013; UBND Phường B, TP M-TG)
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Võ Thị Ngọc Hoa